TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày 7 tháng 8 năm 2024
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tếnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Sơ

Ông Cầm Văn Tổ

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện V kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Tường Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 7 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc: Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lèo Thị V, sinh năm 1997. Địa chỉ: Bản H , xã Ch Ch , huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Bản H , xã Ch Ch , huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Hiện đang đi cai nghiện bắt bắt tại cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La.Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 07/6/2024 và quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Lèo Thị V trình bày:

Tôi (Lèo Thị V) và anh Hà Văn T kết hôn với nhau năm 2017 việc kết hôn là do chúng tôi hoàn toàn tự nguyện có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Nà Bó vào ngày 07/06/2017 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hòa thuận được 3 năm thì sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không tu trí làm ăn, nghiện ma túy, uống rượu thường xuyên tụ tập bạn bè không có trách nhiệm với gia đình. Mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, vì vậy tôi đã bỏ về bên ngoại ở xã Nà Bó sinh sống và chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, trong thời gian chúng tôi sống ly thân anh T bị bắt đi cai nghiện tại cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của tôi được ly hôn với anh Hà Văn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 01 con chung là cháu Hà Trọng Khánh, sinh ngày 10/6/2017. Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Khánh cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2024 và tại buổi hòa giải, bị đơn anh Hà Văn T trình bày anh và chị Lèo Thị V kết hôn với nhau vào năm 2017 là do hai bên tự nguyện và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Nà Bó được cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì sảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên chị V đã đi làm thuê sau đó thì bỏ về gia đình bên ngoại sinh sống. Hiện nay anh đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy. Chị V làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì vẫn mong muốn vợ chồng quay lại. Do đang cai nghiện tập trung nên anh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Anh xác nhận anh chị có 01 con chung là cháu Hà Trọng Khánh, sinh ngày 10/6/2017. Nếu phải ly hôn anh mong muốn được nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Anh cho rằng vợ chồng có 01 mảnh đất ruộng và một ít đất nương.

Về nợ chung: Anh cho rằng có một khoản nợ chung là 15.000.000VNĐ vay của anh Lò Văn Cường cùng bản với anh.

Ngày 16/07/2024, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi chị V và anh T cư trú qua xác minh xác định: Sau khi kết hôn chị V và anh T chung sống cùng nhau tại Bản Hùn, xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống chị V và anh T chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T nghiện ma túy. Hiện nay cũng đang phải đi cai nghiện bắt buộc.

Quá trình xác minh với bố đẻ của anh Hà Văn T cũng xác nhận: Chị V và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại Uỷ ban nhân dân xã Nà Bó, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 06 tháng 07 năm 2017. Trong quá trình chung

sống vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm tới ai.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị V và anh T đều vắng mặt nhưng ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện V kiểm sát tại phiên toà có quan điểm:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa theo đúng quy định.

- Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Lèo Thị V được ly hôn với anh Hà Văn T. Giao con chung Hà Trọng Khánh, sinh ngày 10/6/2017 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lèo Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1]Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Chị Lèo Thị V khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn T có NĐKHKTT: Bản Hùn, xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên chị V và anh T đều vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ, phù hợp quy định tại các điểm a,b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lèo Thị V và anh Hà Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Nà Bó, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 06 tháng 7 năm 2017. Do vậy hôn nhân của chị Lèo Thị V và anh Hà Văn T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống chị V và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không có hạnh phúc.

Chị V và anh T đã sống ly thân nhau từ năm 2023 đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm tới ai. Chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T, Anh T không đồng ý ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Hội đồng xét xử thấy cuộc hôn nhân của chị V anh T đã ở mức độ mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị V khởi kiện xin ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

- Về con chung: Chị Lèo Thị V và anh Hà Văn T có một con chung là Hà Trọng Khánh, sinh ngày 10/6/2017. Hiện nay cháu Khánh đang ở cùng mẹ tại xã Nà Bó, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị V có quan điểm đề nghị giao con chung cho chị nuôi dưỡng vì hiện nay anh T đang đi cai nghiện bắt buộc không có thời gian và điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Khánh được.

Tại bản tự khai anh T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Hà Trọng Khánh.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại anh T đang đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sơn La nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được. Chị V có đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc giáo dục con chung. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, giao cháu Hà Trọng Khánh cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng (thành đủ 18 tuổi). Chị V không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, nên Tòa án không xem xét, giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung

Quá trình xác minh xác định anh chị không có tài sản chung gì có giá trị.

Về nợ chung anh T cho rằng có 01 có một khoản nợ chung là 15.000.000VNĐ của anh Lò Văn Cường Tòa án tiến hành xác minh với anh Cường, anh Cường cho biết khoản nợ này anh T đã cho anh Cường thầu ruộng và sẽ trừ vào tiền thầu ruộng, nên anh Cường không yêu cầu chị V và anh T phải trả nợ cho anh trong thời điểm này. Vì hiện tại anh Cường đang thầu ruộng của chị V và anh T, anh Cường đề nghị Tòa án không đưa anh vào tham gia tố tụng

Về án phí: Chị Lèo Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Lèo Thị V được ly hôn với anh Hà Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Trọng Khánh, sinh ngày 10/6/2017 cho chị Lèo Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận việc chị V không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Sau khi ly hôn anh T được quyền thăm nom con theo quy định không ai được quyền cản trở anh T thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82,83 của luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lèo Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002002 ngày 10 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Tráng A Tếnh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Nà Bó, huyện Mai Sơn (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.